

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính Quý III, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 10,39% so với giá trị đầu năm.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

1.3.1 Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ MBVF sẽ sử dụng mô hình và chiến lược đầu tư giá trị, theo đó:

- Quỹ sẽ nhắm tới các doanh nghiệp được niêm yết trên sàn, có chính sách và có khả năng chi trả cổ tức tốt, có thị giá thấp hơn nhiều so với giá trị định giá theo các mô hình định lượng cơ bản;
- Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục với mục tiêu tối ưu hóa tỷ suất cổ tức kỳ vọng trên thị giá của toàn danh mục;
- Quỹ cũng hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư.

1.3.2 Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào những ngành nghề sau (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này) với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- | | |
|---------------------------------|------------------------------|
| - Ngân hàng - Dịch vụ tài chính | - Hàng tiêu dùng |
| - Thực phẩm - Nước giải khát | - Bảo hiểm |
| - Vật liệu - Khai khoáng | - Hàng hóa công nghiệp |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản | - Dược phẩm |
| - Tiện ích công cộng | - Vận tải |
| - Năng lượng | - Dịch vụ |
| - Bán lẻ | - Dệt may- Thiết bị phụ tùng |

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital
Báo cáo tài chính Quý III/2016
Phần I: Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

1.3.3 Các loại tài sản được phép đầu tư

Tài sản được lựa chọn để đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan và được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được ban đại diện quỹ phê duyệt bằng văn bản;
- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành: có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

1.4 Phân loại Quỹ: Quỹ mở

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 10/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 25 tháng 4 năm 2014, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, Giá trị tài sản ròng của Quỹ là 85.094.908.142 VND, tương đương với 7.039.116,4 chứng chỉ quỹ.

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ:

Trong kỳ quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital
Báo cáo tài chính Quý III/2016
Phần I: Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 03 năm 2016
Danh mục chứng khoán	56.09%	55.79%	41.38%
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	39.62%	43.38%	56.84%
Các tài sản khác	4.29%	0.83%	1.78%
	100.00%	100.00%	100,00%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Giai đoạn tài chính Quý III kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Giai đoạn tài chính Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giai đoạn tài chính Quý I kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	85,094,908,142	87,071,134,176	87,427,463,995
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	7,039,116.40	7,473,899.94	7,872,600.50
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	12,089.00	11,650.00	11,105.00
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	12,127	11,650	11,105
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	11,451	11,064	10,478
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	10.39%	6.38%	1.41%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	82.59%	193.70%	-70.38%
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-	-	-
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2.99%	3.05%	3.45%
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	36.20%	39.33%	42.77%

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	14.33%	14.33%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)	20.89%	13.13%

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital
Báo cáo tài chính Quý III/2016
Phần I: Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Giai đoạn tài chính Quý III kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	Giai đoạn tài chính Quý II kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Giai đoạn tài chính Quý I kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	10.39%	6.38%	1.41%

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

GDP tăng tốc trong quý 3, đẩy GDP 9 tháng tăng 5.93% so với mức tăng 5.52% của nửa đầu năm. Động lực tạo ra tăng trưởng nằm ở khu vực công nghiệp chế biến chế tạo với mức tăng 11.22%, mức tăng cao nhất kể từ năm 2008. Ngành xây dựng duy trì mức tăng trưởng cao 9.1%, đóng góp 0.5% cho tăng trưởng chung. Hoạt động xây dựng phục hồi kể từ quý 3/2015 chủ yếu nhờ sự ấm lên của thị trường bất động sản. Ngành nông nghiệp đã thoát tăng trưởng âm và ngành thủy sản đã phục hồi nhẹ sau sự cố Formosa.

CPI tháng 9 tăng 0.54% MoM, 3.14% YTD, CPI bình quân 9 tháng tăng 2.07% YoY, cao hơn so với mức tăng 0.74% của 9 tháng 2015. CPI tháng 9 tăng chủ yếu do 53 tỉnh thành trên cả nước đồng loạt tăng học phí cùng với mùa năm học mới khiến nhu cầu mua sắm đồ dùng học tập tăng cao. Những yếu tố này khiến cho CPI nhóm giáo dục tăng 7.19%, đóng góp 0.42% mức tăng chung. CPI nhóm giao thông tăng 0.55% do tác động của các đợt tăng giá xăng. Các nhóm hàng hoá khác có mức tăng không đáng kể.

Chỉ số PMI tháng 9 tăng lên mức cao nhất 16 tháng, đạt 52.9 điểm, đây cũng là tháng thứ 10 liên tiếp ngành sản xuất của Việt Nam ở trạng thái mở rộng. PMI của các nước trong khu vực cũng đa phần được cải thiện trong tháng 9 với chỉ số PMI ASEAN tăng lên 50.5 từ mức 50.3 của tháng 8. 2 nền kinh tế lớn của Châu Á là Trung Quốc và Nhật Bản cũng có PMI trên 50. Với Nhật Bản, đây là lần đầu tiên sau 6 tháng PMI đạt trạng thái cải thiện Phong trào khởi nghiệp phát động vào đầu năm có vẻ đã hạ nhiệt với số doanh nghiệp đăng ký mới giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 3, cùng với đó là số lao động đăng ký giảm xuống mức thấp nhất 18 tháng.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 9 tháng đạt trên 1 triệu tỷ đồng, tăng 9.6% YoY. Khu vực tư nhân và FDI có đóng góp lớn nhất vào tổng vốn đầu tư, tuy nhiên tốc độ tăng đã chậm lại rõ rệt trong quý 3 với các mức tăng lần lượt là 6.4% và 8.6% YoY, mức thấp nhất nhiều quý.

Lãi suất liên ngân hàng tạo đáy mới tong tháng 9 với lãi suất qua đêm có lúc chạm 0.29%. Thanh khoản dư thừa khiến NHNN phát hành thêm được 26 nghìn tỷ tín phiếu, nân lượng tín phiếu lưu hành lên 92 nghìn tỷ đồng. Vào tháng cuối quý, lãi suất huy động thị trường 1 nhích nhẹ, chủ yếu ở các kỳ hạn dài. Lãi suất huy động kỳ hạn 1 tháng ổn định ở mức ~5% còn kỳ hạn 12 tháng tăng 0.3% lên ~6.8%, cao hơn nhiều so với mức tăng lạm phát 9 tháng là 3.14%. Khoảng cách giữa tăng trưởng huy động và tín dụng thu hẹp không đáng kể. Tăng trưởng huy động 9 tháng đạt 12.02%, trong khi tăng trưởng tín dụng là 10.46%.

Thị trường ngoại hối vẫn đang rất ổn định. Mặc dù tỷ giá trung tâm có xu hướng tăng nhanh hơn trong tháng 9 nhưng tỷ giá USD/VND tại ngân hàng và thị trường tự do gần như không thay đổi. Xuất siêu, kiều hối, giải ngân FDI đều đang hỗ trợ tích cực cho tỷ giá. Diễn biến tỷ giá các đồng tiền khác với VND trái chiều, tỷ giá GBP/VND giảm 12.61% YTD và giảm 14.85% YoY. Ở chiều ngược lại, JPY/VND tiếp tục tăng 1.78% so với cuối tháng 8 và là đồng tiền tăng mạnh nhất kể từ đầu năm. Thị trường chứng khoán 9T/2016 đạt đỉnh 8 năm gần nhất và có thể chia thành 3 giai đoạn phát triển. Giai đoạn từ tháng 1/2016 đến tháng 7/2016: Thị trường tăng liên tục trong nửa năm đầu với sự hồi phục của giá các hàng hóa cơ bản và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hồi phục, ngoài ra việc mua ròng liên tục của khối ngoại trong quý 2 cũng giúp thị trường kéo dài mạch tăng trưởng. Giai đoạn từ tháng 7/2015 đến đầu tháng 8/2016, thị trường tăng trưởng mạnh và đạt đỉnh 680 điểm và sau đó có nhịp điều chỉnh lớn về 630 điểm, do ảnh hưởng từ sự tăng nóng của các cổ phiếu sau sự kiện Brexit, cũng như các thông tin xấu liên quan đến VIC và TTF. Giai đoạn từ giữa tháng 8/2016 đến tháng 9/2016, thị trường bước vào giai đoạn hồi phục, tích lũy và đi lên từ giữa tháng 8 đến tháng 9, thị trường đạt mức cao nhất 692 điểm khi yếu tố vĩ mô thuận lợi như cung tiền dồi dào, FED tạm hoãn việc nâng lãi suất, thông tin thoái vốn trong cuộc họp của chính phủ.

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital
Báo cáo tài chính Quý III/2016
Phần I: Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

Động lực tăng trưởng thị trường xuất phát chính từ sự hỗ trợ của chính sách tiền tệ. NHTW tiếp tục duy trì chính sách nới lỏng tiền tệ trong năm 2016, đã góp phần rất lớn giúp thị trường CK tăng trưởng liên tục từ đầu năm. Nhìn lại việc Việt Nam áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ kể từ 2011 trong bối cảnh lãi suất và tỷ lệ lạm phát rất cao. Giai đoạn 2011 -2015, tỷ lệ lãi suất giảm trung bình gần 50%, trong khi chứng kiến thị trường chứng khoán tăng gần 65%. Thị trường chứng khoán và lãi suất dao động ngược chiều. Việc hạ mặt bằng lãi suất trong 5 năm qua tạo điều kiện để TTCK thu hút dòng vốn từ các nhà đầu tư. Lãi suất giảm cũng thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng sản xuất, từ đó thúc đẩy TTCK phát triển. Bên cạnh đó FED vẫn trì hoãn việc tăng lãi suất nhờ đó trong 9 tháng 2016, tạo sự ổn định đáng kể cho dòng tiền khối ngoại, góp phần làm chỉ số chứng khoán tăng trưởng.

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	125.81%	72.33%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-16.98%	3.15%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	14.33%	20.89%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	14.33%	13.13%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 2 năm gần nhất.



NAV/CCQ từ ngày 25/04/2014 đến ngày 02/04/2015 đã được điều chỉnh cổ tức 7% (700 VND/CCQ)

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 30 tháng 9 năm 2016	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	85,094,908,142	112,431,701,081	-24.3%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12,089.00	10,574.00	14.3%

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital
Báo cáo tài chính Quý III/2016
Phần I: Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	175	220,526.30	3.13%
Từ 5.000 đến 10.000	21	175,604.25	2.49%
Từ 10.000 đến 50.000	40	1,049,784.42	14.91%
Từ 50.000 đến 500.000	20	2,711,796.55	38.52%
Trên 500.000	2	2,881,404.88	40.93%
Tổng	258	7,039,116.40	100.00%

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Bối cảnh kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong Q4/2016 tiếp tục ổn định. Tỷ giá có khả năng tăng 1-2% trong Q4/2016. Tăng trưởng GDP cả năm dự báo sẽ đạt khoảng 6.3%. Tăng trưởng tín dụng Q4 sẽ đạt cao đảm bảo mục tiêu 18-20% năm 2016. Ngoài ra thị trường cũng kỳ vọng Chính phủ sẽ kích thích tài khóa và tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng.

Xu hướng của nhà đầu tư nước ngoài trong Q4/2016 dự báo khá cân bằng và dòng tiền trong nước vẫn là yếu tố quyết định đến biến động của thị trường chứng khoán Việt Nam quý IV/2016

MBCapital tiếp tục lạc quan và kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục có nhịp tăng trưởng mới cải thiện cả về điểm số và thanh khoản giao dịch

6. THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý của Quỹ

Ông Nguyễn Đức Hải

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Đầu tư

Ông Hải có 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán tại Việt Nam. Ông Hải gia nhập MB Capital vào năm 2007 ở vị trí chuyên viên phân tích. Sau đó năm 2009 ông đảm nhiệm vị trí Phó phòng Quản lý Danh mục đầu tư chịu trách nhiệm hỗ trợ, giám sát phê duyệt các kiến nghị đầu tư của đội ngũ phân tích. Năm 2011, ông chính thức giữ vai trò Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư phụ trách một số danh mục và Quỹ đầu tư cho Nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế của Hanoi School of Business, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ông Ngô Long Giang

Giám đốc Đầu tư

Trước khi gia nhập MB Capital năm 2010, Ông Ngô Long Giang có gần 10 năm học tập và làm việc tại Mỹ. Ông từng làm Chuyên gia tư vấn tài chính tại công ty Wells Fargo, một trong những công ty tài chính lớn nhất của Mỹ, chuyên tư vấn về kế hoạch tài chính, chiến lược tài chính, quản lý danh mục đầu tư, quản lý tài sản cho các cá nhân và doanh nhân. Ông Giang tốt nghiệp đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam) và có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường ĐH California (Mỹ).

Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital
Báo cáo tài chính Quý III/2016
Phần I: Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công Ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Phan Phương Anh

*Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
kiêm Tổng giám đốc*

Ông Phan Anh có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đầu tư tại Việt Nam. Ông là một trong những thành viên sáng lập MB Capital. Trước khi sáng lập MB Capital, ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Giám đốc Khối Ngân quỹ và Ngoại hối, Thành viên Ủy ban ALCO của NHTMCP Quân Đội.

Dưới sự điều hành của Ông, kể từ khi thành lập cho đến nay MB Capital đã trở thành một trong những công ty quản lý Quỹ hoạt động tích cực nhất trên thị trường Việt Nam. Năm 2006, MB Capital đã thành công trong việc thành lập một trong những quỹ thành viên đầu tiên cho Nhà tổ chức trong nước. Năm 2010, MB Capital đã hợp tác với các nhà đầu tư Nhật Bản thành lập 2 quỹ đầu tư chuyên biệt. Và đầu năm 2013, MB Capital đã ra đời Quỹ mở đầu tư trái phiếu (MBBF) đầu tiên tại Việt Nam.

Ông Nguyễn Đức Hải

Phó Tổng Giám đốc

Ông Hải có gần 10 năm kinh nghiệm phân tích và đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Trước khi gia nhập MB Capital năm 2007, ông Hải là Chuyên viên phân tích tài chính tại Công ty Chứng khoán Mekong. Tại MB Capital, ông Hải có nhiều năm giữ chức vụ Giám đốc Quản lý Danh mục đầu tư, sau đó là Giám đốc Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Ông Hải được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc MB Capital từ tháng 11/2015. Ông Hải tốt nghiệp Học Viện Ngân hàng (2004), và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007).

Bà Trương Thị Hương Trà

Phó Tổng Giám đốc

Bà Trương Thị Hương Trà có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán. Bà Trà làm việc tại Ngân hàng Quân đội từ năm 1998 và gia nhập MB Capital từ năm 2006 với vai trò Giám đốc Phát triển Kinh doanh và sau đó là Giám đốc Dịch vụ khách hàng. Bà Trà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc của MB Capital từ tháng 04/2016. Bà Trà có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh trường Đại học California Miramar, Mỹ.

Ban Đại diện Quỹ

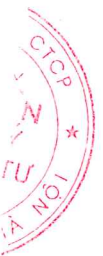
Ông Lương Văn Trung

*Luật sư Công ty Lexcomm
Vietnam LLC*

Chủ tịch Ban đại diện

Ông Lương Văn Trung có hơn 17 năm hoạt động trong lĩnh vực tư vấn luật và quản lý quỹ đầu tư. Ông Trung từng là thành viên và là Luật sư quản lý của Bross & Partner văn phòng chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng phòng Pháp lý công ty British America Tobacco (Vietnam), Luật sư và Giám đốc phụ trách tuân thủ công ty Manulife Vietnam và Công ty Quản lý Quỹ Manulife Vietnam, Trưởng Đại diện và Giám đốc Pháp lý của Công ty Saigon Asset Management (SAM). Từ 04/2016, ông Trung là luật sư Công ty Lexcomm Vietnam LLC.

Ông Lương Văn Trung tốt nghiệp Đại học Luật Hà Nội, chuyên ngành Pháp luật kinh tế năm 1998, và trường College of Law (Vương quốc Anh) chuyên ngành Luật năm 2005.



Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital
Báo cáo tài chính Quý III/2016
Phần I: Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

Ông Hiroshi Hiramoto

Phó Tổng giám đốc, Giám đốc khối Kế hoạch và Kinh doanh Japan Asia Securities Limited, Nhật Bản

Thành viên Ban đại diện

Ông Hiramoto Hiroshi có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán tại Nhật Bản. Ông từng giữ nhiều trọng trách tại các công ty chứng khoán lớn của Nhật Bản như: Trưởng phòng kế hoạch, khảo sát và ứng dụng sản phẩm, Phó phòng Quản lý Quỹ đầu tư của công ty Chứng khoán Tokyo, Trưởng phòng phát triển sản phẩm dịch vụ, ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc bộ phận kế hoạch và kinh doanh chứng khoán của công ty Chứng khoán Japan Asia. Ông Hiramoto làm việc cho Công ty chứng khoán Nhật Bản với vai trò Cố vấn cấp cao (từ tháng 5/2010), và Tổng Giám đốc JSI (từ tháng 1/2011 – đến tháng 4/2014). Hiện tại Ông Hiroshi Hiramoto đang giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Kế hoạch và Kinh doanh của công ty Japan Asia Securities Limited, Nhật Bản.

Ông Hiramoto tốt nghiệp Kỹ sư công nghệ (1979) và Thạc sỹ Công nghệ (1981) trường Đại học Tổng hợp Hiroshima. Ông đã có chứng chỉ Môi giới chứng khoán, chứng chỉ kiểm soát nội bộ, chứng chỉ hoạch định tài chính do Ủy Ban Chứng khoán Nhật Bản cấp. Ông cũng đạt Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính do Ủy ban Chứng khoán nhà nước Việt Nam cấp năm 2011.

Bà Lê Hoàng Yến

Trưởng phòng phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn- Công ty NTT Việt Nam

Thành viên Ban Đại diện

Bà Lê Hoàng Yến có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, tài chính. Bà Lê Hoàng Yến đã từng có thời gian làm việc tại ngân hàng VP bank và công tác tại phòng Tài chính, Kế toán và phòng Treasury của Ngân hàng ING (Hà Lan). Bà Yến hiện đang phụ trách tài chính, vốn và nguồn vốn tại Công ty NTT Việt Nam (là một công ty thuộc tập đoàn NTT của Nhật Bản). Bà Yến đã trở thành thành viên của Hiệp hội kế toán Anh (ACCA) vào tháng 3 năm 2012.

Ông Đoàn Phong Quang

Phó Tổng Giám đốc, Công ty Bảo hiểm Quân đội

Thành viên Ban Đại diện

Ông Đoàn Phong Quang hiện là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC). Trước khi gia nhập MIC, ông Đoàn Phong Quang từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ông Quang được bầu làm thành viên Ban đại diện Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital từ tháng 4/2016.



Bà Đoàn Kim Dung
Giám Đốc Tài Chính
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Giá Trị MB Capital ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

Theo Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC ("Thông tư 15") sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 9, Điều Lệ Quỹ quy định: "Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ". Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại các kỳ định giá từ ngày 14 tháng 07 năm 2016 đến ngày 04 tháng 08 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư, Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp và đồng thời Công ty quản lý quỹ cũng thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư chậm nhất vào ngày 29 tháng 07 năm 2016 đối với kỳ định giá phát sinh sai lệch từ ngày 14 tháng 07 năm 2016. Tại kỳ định giá ngày 11 tháng 08 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã đáp ứng quy định.

Tại các kỳ định giá từ ngày 14 tháng 09 năm 2016 đến ngày 29 tháng 09 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư, Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp và đồng thời Công ty quản lý quỹ cũng thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư chậm nhất vào ngày 30 tháng 09 năm 2016. Tại kỳ định giá ngày 30 tháng 09 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã khắc phục tình trạng phát sinh sai lệch trong thời hạn cho phép.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Hà nội, ngày 18 tháng 10 năm 2016

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hưng, Mễ Trì Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000
Fax : (84 4) 3837 8356
Swift: SCBLVNVX

Here for good



Mẫu số B01 - QM. Báo cáo thu nhập
Template B01 - QM. Statement of Comprehensive Income

(Ban hành kèm theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở)
(Issued in association with Circular 198/2012/TT-BTC dated 15 Nov 2012 on the Accounting Policies for Open-Ended Fund)

BÁO CÁO THU NHẬP
STATEMENT OF COMPREHENSIVE INCOME
Quý III năm 2016/ Quarter III 2016

Tên Công ty quản lý quỹ:
Management Fund Company:
Tên ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
Tên Quỹ:
Fund name:
Ngày lập báo cáo:
Reporting Date:

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư MB
MB Capital Management Joint Stock Company
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.
Quỹ đầu tư giá trị MB Capital
MB Capital Value Fund (MBVF)
Ngày 18 tháng 10 năm 2016
18-Oct-16

Chi tiêu Indicator	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2016 Year 2016		Năm 2015 Year 2015	
			Quý III Quarter III	Số lũy kế Year-to-date	Quý III Quarter III	Số lũy kế Year-to-date
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ Investment income	01		3,796,827,009	9,923,284,677	1,129,616,504	2,638,524,043
1.1. Cổ tức được chia Dividend income	02		277,706,000	1,090,721,000	1,669,790,000	2,950,981,000
1.2. Tiền lãi được nhận Interest income	03		388,932,559	895,041,027	407,175,704	1,238,795,843
1.3. Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư Realized gain (losses) from disposal investments	04		5,169,587,942	8,575,511,606	817,050,714	2,535,622,624
1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện Unrealized gain (losses) from investment revaluation	05		(2,039,399,492)	(637,988,956)	(1,764,399,914)	(4,086,875,424)
1.5. Doanh thu khác Other income	06		-	-	-	-
1.6. Chênh lệch lãi, lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện Realized and unrealized gain (losses) from foreign exchange	07		-	-	-	-
1.7. Doanh thu khác về đầu tư Other investment income	08		-	-	-	-
1.8. Dự phòng nợ phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi và xử lý tổn thất nợ phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi Provision expense for bad debts from dividends, interest income and written off bad debts from dividends, interest income	09		-	-	-	-
II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ INVESTMENT EXPENSE	10		80,928,189	259,596,785	168,537,156	335,761,301
2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư Expense for purchasing and selling investments	11		80,928,189	259,596,785	168,537,156	335,761,301
Phí môi giới Brokerage fee	11.1		80,928,189	259,596,785	168,537,156	335,761,301
2.2. Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi Provision expense	12		-	-	-	-
2.3. Chi phí lãi vay Borrowing interest expense	13		-	-	-	-
2.4. Chi phí dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp và xử lý tổn thất các khoản đầu tư cho vay có tài sản nhận thế chấp Impairment expense for devaluation of assets received as pledge	14		-	-	-	-
2.5. Chi phí đầu tư khác Other investments expense	15		-	-	-	-
III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ OPERATING EXPENSE	20		560,692,443	1,522,159,797	653,900,932	1,593,570,429
3.1. Phí quản lý Quỹ mở Management fee	20.1		323,815,593	849,163,424	427,604,712	1,004,890,087
3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở Custodian fee	20.2		43,109,360	127,827,632	53,231,874	125,324,858
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Custodian service - Custody Fee	20.2.1		30,000,000	90,000,000	34,337,819	84,786,078
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán Custodian service - Transaction fee	20.2.2		8,910,000	26,220,000	17,200,000	38,400,000
Chi phí thanh toán cho VSD Fees paid to VSD	20.2.3		4,199,360	11,607,632	1,694,055	2,138,780

Chỉ tiêu Indicator	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2016 Year 2016		Năm 2015 Year 2015	
			Quý III Quarter III	Số lũy kế Year-to-date	Quý III Quarter III	Số lũy kế Year-to-date
3.3. Phí dịch vụ giám sát Supervising fee	20.3		49,500,000	103,435,482	16,500,000	41,140,000
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở Fund administrative fee	20.4		49,500,000	148,500,000	49,500,000	115,060,001
3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng Transfer agent fee	20.5		26,400,000	79,200,000	26,400,000	79,200,000
mở Other service fees	20.6		-	-	-	-
3.7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở Meeting and General Meeting expense	20.7		-	-	-	-
3.8. Chi phí kiểm toán Audit expense	20.8		12,166,120	36,233,878	9,149,584	27,150,401
3.9. Chi phí thanh lý tài sản Quỹ mở Asset disposal expense	20.9		-	-	-	-
3.10. Chi phí hoạt động khác Other operating expense	20.10		56,201,370	177,799,381	71,514,762	200,805,082
Thù lao ban đại diện Quỹ Remuneration of Fund's Board of Representatives	20.10.01		42,000,000	141,035,483	57,000,000	174,903,226
Chi phí công tác, họp của ban đại diện Fund's Board of Representatives travelling, meeting expense	20.10.02		6,860,000	14,700,000	7,022,000	7,022,000
Phí quản lý thường niên Annual fee Expenses	20.10.03		2,513,663	7,486,341	2,520,550	7,479,457
Phí ngân hàng Bank charges	20.10.04		4,827,707	14,104,557	4,972,212	11,400,399
Chi phí khác Other expenses	20.10.05		-	473,000	-	-
IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GAIN (LOSSES) FROM INVESTMENT (23 = 01-10-20)	23		3,155,206,377	8,141,528,095	307,178,416	709,192,313
V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC OTHER INCOME AND EXPENSE	24		-	-	-	-
5.1. Thu nhập khác Other income	24.1		-	-	-	-
5.2. Chi phí khác Other expense	24.2		-	-	-	-
VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ PROFIT BEFORE TAX (30=23+24)	30		3,155,206,377	8,141,528,095	307,178,416	709,192,313
6.1. Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện Realized profit (losses)	31		5,194,605,869	8,779,517,051	2,071,578,330	4,796,067,737
6.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện Unrealized profit (losses)	32		(2,039,399,492)	(637,988,956)	(1,764,399,914)	(4,086,875,424)
VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN CORPORATE INCOME TAX	40		-	-	-	-
VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN PROFIT AFTER TAX (41=30-40)	41		3,155,206,377	8,141,528,095	307,178,416	709,192,313

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank



Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
Đoàn Kim Dung
Giám đốc tài chính



Mẫu số B02 - QM. Báo cáo tình hình tài chính
Template B02 - QM. Statement of Financial Position

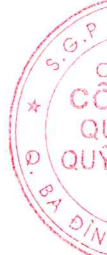
(Ban hành kèm theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở)
(Issued in association with Circular 198/2012/TT-BTC dated 15 Nov 2012 on the Accounting Policies for Open-Ended Fund)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016/ As at 30 Sep 2016

Tên Công ty quản lý quỹ:
Management Fund Company:
Tên ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
Tên Quỹ:
Fund name:
Ngày lập báo cáo:
Reporting Date:

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư MB
MB Capital Management Joint Stock Company
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.
Quỹ đầu tư giá trị MB Capital
MB Capital Value Fund (MBVF)
Ngày 18 tháng 10 năm 2016
18-Oct-16

Chi tiêu Indicator	Mã số Code	Thuyết minh Note	Ngày 30 tháng 9 năm 2016 As at 30 Sep 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 As at 30 Jun 2016
I. TÀI SẢN ASSETS				
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền Cash at bank and cash equivalent	110	6.1	34,488,821,872	38,206,192,028
1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở Cash at bank for Fund's operation	111		4,488,821,872	8,206,192,028
1.2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng Term deposit less than 3 months	112		30,000,000,000	30,000,000,000
2. Các khoản đầu tư thuần Investment	120	6.2	48,834,346,150	49,133,719,400
2.1. Các khoản đầu tư Investments	121		48,834,346,150	49,133,719,400
Cổ phiếu Shares	121.1		48,834,346,150	49,133,719,400
Trái phiếu Bonds	121.3		-	-
Chứng chỉ tiền gửi ghi danh Registered Deposit Certificate	121.2		-	-
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng Deposit with term over three (03) months	121.4		-	-
2.2. Dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp Impairment of devaluation of assets as pledge	122		-	-
3. Các khoản phải thu Receivables	130		3,735,307,805	728,893,889
3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư Receivables from investments sold but not yet settled	131		3,652,445,601	-
3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư Dividend and interest receivables	133		82,862,204	728,893,889
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận Dividend and interest receivables	134		-	-
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận Accrual dividend, interest income	136		82,862,204	728,893,889
3.3. Các khoản phải thu khác Other receivables	137		-	-
3.4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi Provision for doubtful debt	138		-	-
TỔNG TÀI SẢN TOTAL ASSETS	100		87,058,475,827	88,068,805,317
II. NỢ PHẢI TRẢ TOTAL LIABILITIES	II			
1. Vay ngắn hạn - hợp đồng repo Shortterm loans - Repo	311		-	-
2. Phải trả về mua các khoản đầu tư Payables for securities bought but not yet settled	312		1,592,565,270	703,293,360



Qu

Chỉ tiêu Indicator	Mã số Code	Thuyết minh Note	Ngày 30 tháng 9 năm 2016 As at 30 Sep 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 As at 30 Jun 2016
3. Phải trả phí cho các Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ về mua bán Chứng chỉ quỹ Subscription and Redemption fee payable to distributors and fund management company	313		102,220,000	47,985,126
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Tax payables and obligations to the State Budget	314		2,833,036	1,620,522
5. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư Profit distribution payables	315		-	105,500
6. Chi phí phải trả Expense Accruals	316	6.3	85,720,219	75,140,435
Trích trước phí kiểm toán Expense accruals- Audit fee	316.1		36,233,878	24,067,758
Phải trả thù lao ban đại diện quỹ Expense accruals - Remuneration Payable to Fund's Board of Representatives	316.2		42,000,000	46,099,999
Trích trước phí quản lý thường niên Expense accruals for Annual Fee	316.3		7,486,341	4,972,678
7. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ Subscription Suspense Payable	317		-	-
8. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ Redemption payable	318		-	-
9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở Fund management related service expense payable	319		180,229,160	169,526,198
Phải trả phải trả phí quản lý Expense accruals for Management fee	319.1		105,969,160	105,241,198
Phải trả phí lưu ký tài sản Expense accruals for Custodian fee	319.2		10,000,000	10,000,000
Phải trả phí quản trị quỹ Expense accruals for Fund administration fee	319.3		16,500,000	16,500,000
Phải trả phí giám sát Expense accruals for Supervising fee	319.4		16,500,000	16,500,000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng Expense accruals for Transfer agency fee	319.5		26,400,000	19,800,000
Phải trả phí giao dịch Accruals of Transaction Fee	319.6		4,860,000	1,485,000
10. Phải trả, phải nộp khác Other payables	320		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ TOTAL LIABILITIES	300		1,963,567,685	997,671,141
III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (I-II) DISTRIBUTABLE NET ASSET VALUE (I-II)	400	6.4	85,094,908,142	87,071,134,176
1. Vốn góp của Nhà đầu tư Paid up capital	411	6.4	70,391,164,000	74,738,999,400
1.1 Vốn góp phát hành Capital from subscription	412	6.4	187,119,720,900	178,534,301,600
1.2 Vốn góp mua lại Capital from redemption	413	6.4	(116,728,556,900)	(103,795,302,200)
2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư Share premium	414	6.4	138,862,016	922,459,027
3. Lợi nhuận chưa phân phối Undistributed earnings	420	6.5	14,564,882,126	11,409,675,749
IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ NET ASSET VALUE PER FUND CERTIFICATE	430		12,089	11,650
V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ DISTRIBUTED EARNINGS	440		4,515,227,682	4,515,227,682
1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm Distributed earnings assets in the year	441		-	-
2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này Accumulated distributed profit/ assets	442		4,515,227,682	4,515,227,682

47-6
HÀNG
HỒU
NH VI
CHART
F NAM
IEM -T

53 - C
NG TY
PHÂN
AN LÝ
ĐẦU T
AB
- TP. H

Chu

Chỉ tiêu Indicator	Mã số Code	Thuyết minh Note	Ngày 30 tháng 9 năm 2016 As at 30 Sep 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 As at 30 Jun 2016
VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH OFF BALANCE SHEET ITEMS	VI			
1. Tài sản nhận thế chấp Assets received as pledge	001		-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý Written off bad debts	002		-	-
3. Ngoại tệ các loại Foreign currencies	003		-	-
4. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành Number of outstanding fund certificates	004		7,039,116.40	7,473,899.94

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank



Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
Đoàn Kim Dung
Giám đốc tài chính





Mẫu số B05g - QM. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Template B05g - QM. Cash flow statement

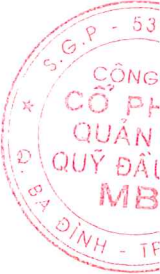
(Ban hành kèm theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở)
(Issued in association with Circular 198/2012/TT-BTC dated 15 Nov 2012 on the Accounting Policies for Open-Ended Fund)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CASH FLOW STATEMENT
Quý III năm 2016/ Quarter III 2016

Tên Công ty quản lý quỹ:
Management Fund Company:
Tên ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
Tên Quỹ:
Fund name:
Ngày lập báo cáo:
Reporting Date:

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư MB
MB Capital Management Joint Stock Company
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.
Quỹ đầu tư giá trị MB Capital
MB Capital Value Fund (MBVF)
Ngày 18 tháng 10 năm 2016
18-Oct-16

Chỉ tiêu Indicator	Mã số Code	Thuyết minh Note	Quý III năm 2016 Quarter III 2016	Quý II năm 2016 Quarter II 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư Cash flows from investing activities	I			
Tiền đã chi mua các khoản đầu tư Payments for investments	01		(31,013,382,000)	(46,728,230,000)
Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư Proceeds from sale of investments	02		18,392,870,000	33,691,697,000
Cổ tức đã nhận Dividend received	03		901,582,871	189,010,000
Tiền lãi đã thu Interest received	04		410,959,244	243,718,556
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của Quỹ mở Loan payment for Fund's operation	05		-	-
Tiền chi trả phí cho hoạt động quỹ mở Payment for opened-end fund fee	06		(539,281,568)	(539,243,139)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động Quỹ mở Tax payment during fund's operation	07		-	-
Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền) Payment for fees relating to investment selling and purchasing transactions (brokerage fee, money transferring fee)	08		(74,109,380)	(120,659,837)
Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư Other received	09		13,280,081,200	591,250
Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư Other payment	10		-	-
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư Net cash flows used in investing activities	20		1,358,720,367	(13,263,116,170)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính Cash flows from financing activities	II			
Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở Proceeds from subscription of fund units	21		10,179,650,000	3,812,020,000
Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở Proceeds from subscription of fund units	21.1		10,222,000,000	4,215,000,000
Tiền chi thanh toán phí phát hành chứng chỉ quỹ mở (Thanh toán cho Đại lý phân phối, Công ty Quản lý Quỹ) Proceeds from/Payment for subscription of fund units (Due to AP, Fund Management Companies)	21.2		(42,350,000)	(402,980,000)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở Payment for redemption of fund units	22		(15,255,635,023)	(8,600,970,704)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở (thanh toán cho Nhà Đầu tư) Payment for redemption of fund units (Payment to Investors)	22.1		(15,244,342,351)	(8,599,200,337)
Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở (thanh toán cho Đại lý phân phối, Công ty Quản lý quỹ, thuế) Payment for redemption of fund units (Due to AP, Fund Management Companies, tax)	22.2		(11,292,672)	(1,770,367)
Tiền vay gốc Loan - principal	23		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay Loan principal payment	24		-	-
Thu nhập trả cho Nhà đầu tư Profit Distribution	25		(105,500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính Net cash flows from financing activities	30		(5,076,090,523)	(4,788,950,704)
III. Tăng/(Giảm) tiền thuần trong kỳ Net increase in cash	40		(3,717,370,156)	(18,052,066,874)
IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ Cash and cash equivalents at the beginning of period	50			



Handwritten signature

Chi tiêu Indicator	Mã số Code	Thuyết minh Note	Quý III năm 2016 Quarter III 2016	Quý II năm 2016 Quarter II 2016
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ: Cash at bank of the beginning of period	51		38,206,192,028	56,258,258,902
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ Cash at bank for Fund's operation	52		38,206,086,528	56,238,153,402
- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư Cash at bank for Fund's subscription/redemption	53		-	20,000,000
- Tiền gửi phong tỏa Frozen Account	54		105,500	105,500
V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ Cash and cash equivalents at the end of period	55			
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ: Cash at bank of the end of period	56		34,488,821,872	38,206,192,028
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ Cash at bank for Fund's operation	57		34,488,821,872	38,206,086,528
- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư Cash at bank for Fund's subscription/redemption	58		-	-
- Tiền gửi phong tỏa Frozen Account	59		-	105,500
VI. Thay đổi Tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ Changes in cash and cash equivalents in the period	60		(3,717,370,156)	(18,052,066,874)
			-	-



Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
Đoàn Kim Dung
Giám đốc tài chính



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý III năm 2016/ Quarter III 2016

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư MB
Management Fund Company MB Capital Management Joint Stock Company
 2. Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Supervising bank: Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.
 3. Tên Quỹ: Quỹ đầu tư giá trị MB Capital
Fund name: MB Capital Value Fund (MBVF)
 4. Ngày lập báo cáo: Ngày 18 tháng 10 năm 2016
Reporting Date: 18 Oct 2016
- I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ**
- 1.1 Giấy chứng nhận chào bán: Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 16/CGN-UBCK ngày 05 tháng 03 năm 2004. Theo quy định của Giấy phép này, Quỹ MBVF được phép phát hành 50,000,000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10,000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ.
 - 1.2 Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở: Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital được Ủy Ban Chứng Khoán nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ đại chúng vào ngày 25/04/2014 theo giấy chứng nhận số 10/CGN-UBCK
 - 1.3 Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Tầng 8, tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Hà Nội
 - 1.4 Điều lệ hoạt động của Quỹ mở: Ban hành lần đầu năm 2014, sửa đổi bổ sung tháng 4 năm 2016
 - 1.5 Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ mở:
 - **Quy mô vốn Quỹ mở:** Vốn điều lệ của quỹ (vốn duy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) là 54,423,600,000 đồng Việt Nam. Vốn điều lệ quỹ do các nhà đầu tư đóng góp bằng đồng Việt Nam. Mệnh giá của một đơn vị quỹ MBVF là 10,000 đồng Việt Nam.
 - **Mục tiêu đầu tư:** Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cơ cấu và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước.
 - **Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):** NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ năm, hàng tháng vào ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, hàng quý vào ngày đầu tiên của quý tiếp theo, hàng năm vào ngày đầu tiên của năm tiếp theo.
 - **Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ mở MBVF:** là ngày thứ Năm thứ hai và thứ tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trước về ngày giao dịch bù này và thời điểm đóng số lệnh chỉ tiết trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ
 - **Hạn chế đầu tư của Quỹ:**
 - Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ MBVF phải đảm bảo:
 - Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, không được nắm giữ quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
 - Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu niêm yết; trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch; chứng khoán phái sinh niêm yết phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng;
 - Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
 - Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
 - Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu hoặc trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ;
 - Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.
 - Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành.
- II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:**
- 2.1 Kỳ kế toán:

Kỳ kế toán năm của quỹ là từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu vào ngày 25/04/2014 (ngày giấy phép thành lập Quỹ) và kết thúc vào ngày 31/12/2014
 - 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND")
- III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**
- 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Quỹ áp dụng Chế độ Kế toán Quỹ Đầu tư Chứng khoán ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và theo các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam.
 - 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Các báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán quỹ mở quy định theo thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012, Quy định hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở theo thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính và Thông tư 15/2016/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở.
 - 3.3 Hình thức kế toán áp dụng:

Quỹ áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.
- IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**
- 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.
 - 4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phân loại các khoản đầu tư:
 - **Nguyên tắc phân loại:**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.
 - **Ghi nhận ban đầu:**

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu có tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.
 - **Đánh giá lại:**

(i) **Tiền gửi có kỳ hạn**
 - Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá



(ii) **Tin phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời hạn còn lại tới thời điểm đáo hạn dưới 3 tháng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu**

- Đối với công cụ trả lãi: Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
- Đối với các công cụ không trả lãi:
 - Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trũng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

(iii) **Trái phiếu niêm yết**

- Giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng Khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định Giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ Tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, là một trong các mức giá sau:
 - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận;

(iv) **Trái phiếu không niêm yết**

- Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện quỹ thông qua.

(v) **Cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội**

- Giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

(vi) **Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom**

- Giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá ;
- Trường hợp không có nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

(vii) **Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch**

- Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp bởi các tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện quỹ thông qua.

(viii) **Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch**

Là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận.

(ix) **Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản**

Là một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

(x) **Cổ phần, phần vốn góp khác**

Là một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

(xi) **Chứng khoán phát sinh niêm yết**

- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.

(xii) **Chứng khoán phát sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên**

- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận.

(xiii) **Các tài sản được phép đầu tư khác**

- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận.

- **Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư:**

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính và Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích lập dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4.4 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

4.5 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

4.5.1 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành của Nhà đầu tư phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ mở do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ mở theo phương thức mua Chứng chỉ quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư của Quỹ mở. Vốn góp phát hành được theo dõi lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở cho đến khi thanh lý Quỹ mở.

Vốn góp phát hành lần đầu phản ánh số lượng chứng chỉ quỹ và giá trị vốn góp phát hành do Nhà đầu tư góp vốn ban đầu theo mệnh giá.

Vốn góp phát hành các lần tiếp theo được ghi nhận theo mệnh giá và thặng dư vốn.

4.5.2 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định của Điều lệ quỹ phù hợp với quy định của pháp luật hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở. Vốn góp mua lại phản ánh số lượng Chứng chỉ quỹ, giá trị vốn góp mua lại hiện có và tình hình tăng, giảm vốn góp mua lại của Quỹ mở tại các ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá và thặng dư vốn góp mua lại.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

- **Tiền lãi:**

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

CM

6.7 Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư

Danh mục các khoản đầu tư

A
Cổ phiếu niêm yết

Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) D=C-B
B	C	
50,597,467,324	48,834,346,150	(1,763,121,174)

6.8 Thuyết minh về giá trị tài sản ròng

STT	Ngày định giá	Quý III/2016			
		NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/Giảm NAV/1CCQ
A	B	1	2	C=1/2	D=(C1-C2/C2-C3/...)
1	Ngày 7 tháng 7 năm 2016	87,039,757,020	7,473,899.94	11,646	
2	Ngày 14 tháng 7 năm 2016	87,224,489,162	7,473,899.94	11,671	25
3	Ngày 21 tháng 7 năm 2016	87,118,456,494	7,489,745.91	11,632	(39)
4	Ngày 28 tháng 7 năm 2016	86,610,743,527	7,489,745.91	11,564	(68)
5	Ngày 1 tháng 8 năm 2016	84,806,498,158	7,338,041.72	11,557	(7)
6	Ngày 4 tháng 8 năm 2016	84,030,406,209	7,338,041.72	11,451	(106)
7	Ngày 11 tháng 8 năm 2016	84,479,440,650	7,338,041.72	11,513	62
8	Ngày 18 tháng 8 năm 2016	83,794,016,440	7,224,743.42	11,598	85
9	Ngày 25 tháng 8 năm 2016	83,507,533,210	7,224,743.42	11,559	(39)
10	Ngày 1 tháng 9 năm 2016	87,253,380,287	7,398,179.54	11,794	235
11	Ngày 8 tháng 9 năm 2016	87,936,238,278	7,398,179.54	11,886	92
12	Ngày 15 tháng 9 năm 2016	85,768,276,678	7,239,706.66	11,847	(39)
13	Ngày 22 tháng 9 năm 2016	85,856,247,839	7,239,706.66	11,859	12
14	Ngày 29 tháng 9 năm 2016	85,362,684,907	7,039,116.40	12,127	268
15	Ngày 1 tháng 10 năm 2016	85,094,908,142	7,039,116.40	12,089	(38)

NAV bình quân trong Quý II/2016

Biến động NAV/CCQ trong quý thấp nhất

Biến động NAV/CCQ trong quý cao nhất

85,725,538,467

(7)

268

6.9 Thay đổi trong ước tính kế toán:

Trong kỳ, Quỹ không có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến ước tính kế toán

6.10 Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo tài chính

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát

Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB
Đoàn Kim Dung
Giám đốc tài chính